BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 106/2009/TT-BTC ngày 26/5/2009 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Nam Hải Vân và Quyết định số 43/2005/QĐ-BTC ngày 08/7/2005 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 9231/BGTVT-TC ngày 31/12/2009 và Công văn số 795/BGTVT-TC ngày 12/02/2010;

Bộ Tài chính quy định về phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Nam hầm Hải Vân và trạm thu phí Bắc hầm Hải Vân, quốc lộ 1A, như sau:

Điều 1.

- Thay thế Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ Trạm thu phí Nam Hải Vân ban hành kèm theo Thông tư số 106/2009/TT-BTC ngày 26/5/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Nam hầm Hải Vân và trạm thu phí Hòa Phước, quốc lộ 1A, thành phố Đà Nẵng và thay thế Biểu mức thu phí qua hầm đường bộ Trạm thu phí Hải Vân quy định tại Quyết định số 43/2005/QĐ-BTC ngày 08/7/2005 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A bằng Biểu mức thu kèm theo Thông tư này.

- Vé tháng, vé quý quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng đối với xe lưu thông qua một trạm nhất định (Xe đi qua trạm Bắc Hải Vân mua vé của trạm Bắc Hải Vân, xe đi qua trạm Nam Hải Vân mua vé của trạm Nam Hải Vân).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Các nội dung khác quy định về phí sử dụng đường bộ vẫn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 43/2005/QĐ-BTC ngày 08/7/2005 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A và Thông tư số 106/2009/TT-BTC ngày 26/5/2009 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ trạm thu phí Nam hầm Hải Vân và trạm thu phí Hòa Phước, quốc lộ 1A, thành phố Đà Nẵng.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09586882

BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ TRẠM THU PHÍ BẮC HẦM HẢI VÂN VÀ NAM HẦM HẢI VÂN, QUỐC LỘ 1A

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2010/TT-BTC ngày 14/4/2010 của Bộ Tài chính)

I. TỪ KHI THÔNG TƯ NÀY CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2015

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức phí		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	15.000	225.000	600.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	25.000	350.000	900.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	35.000	500.000	1.350.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	60.000	900.000	2.400.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	120.000	1.800.000	4.850.000

II. TỪ 01/01/2016 ĐẾN KHI CÓ QUY ĐỊNH KHÁC:

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức phí		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	20.000	300.000	800.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	30.000	450.000	1.200.000

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mức phí		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	44.000	650.000	1.800.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	80.000	1.200.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	160.000	2.400.000	6.500.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế ban đầu.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com